

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ XUYỀN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số: 02/2018/DS - ST

Ngày 01/02/2018

Về việc kiện đòi tài sản

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ XUYỀN, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đào Đức Gương

2. Ông Nguyễn Lương Đức

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Anh Phương ; Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Khích - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/2/2018 tại trụ sở TAND huyện Phú Xuyên để xét xử công khai vụ án thụ lý số: 23/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 10 năm 2017. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2018/QĐXX-DS ngày 05 tháng 1 năm 2017; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Kim L; Sinh năm 1980;

Đại chỉ: Thôn Y, xã Th, huyện X, TP Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Ông Trần Phương Th, thuộc công ty Luật TNHH Trí minh, Đoàn Luật sư Hà Nội.

Và Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; Sinh năm 1964.

Anh Phùng Văn H; Sinh năm 1960;

Đều có địa chỉ tại: TK Th, thị trấn M; huyện X, TP Hà Nội. Trú tại: 4/100/đường Tây Sơn, phường Tr, quận Đ, Hà Nội. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh H: Luật sư Trương Xuân H, thuộc Văn phòng luật sư Gia Bảo, đoàn luật sư Hà Nội.

Chị L, ông Thảo, anh H, ông H có mặt, chị H vắng mặt..

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn đề khởi kiện ngày 12/8/2017 và trong quá trình giải quyết vụ án tại tòa, nguyên đơn chị Đỗ Thị Kim L trình bày:

Ngày 27/9/2011, chị L đến cửa hàng vàng bạc của anh Phùng Văn h và chị Nguyễn Thị H gửi tiền mặt 22.000.000 đồng, lãi xuất 3% tháng, kỳ hạn 06 tháng. Tuy nhiên, sau đó, anh H, chị H không trả cho chị cả tiền gốc và lãi xuất như thỏa thuận. Nay chị L yêu cầu vợ chồng anh H, chị H phải trả cho chị đủ 22.000.000 đồng tiền gốc, không tính lãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, ông Trần Phương Th có đồng quan điểm với nguyên đơn và yêu cầu cả anh H, chị H phải trả cho chị L 22.000.000 đồng tiền gốc.

Phía bị đơn chị Nguyễn Thị H, tại biên bản lấy lời khai ngày 23/10/2017, chị H trình bày:

Chị H xác nhận, chị có nhận số tiền gửi của chị L là 22.000.000 đồng với tại thời điểm ngày 27/9/2011 cùng với mức, lãi xuất, kỳ hạn trả lãi theo thỏa thuận như chị L trình bày là đúng. Tuy nhiên, do làm ăn thua lỗ nên chị đề nghị được trả chị L tiền gốc và không tính lãi. Chị H đề nghị Tòa không đưa anh H chồng chị vào tham gia tố tụng với tư cách người có nghĩa vụ liên quan vì đây là cá nhân chị vay, không liên quan đến anh H. Việc anh H viết giấy, đóng dấu xác nhận trên hóa đơn chỉ là nhận tiền hộ cho chị khi chị đi vắng và dấu thì tiện tay anh đóng vào, không phải với danh nghĩa của công ty.

Phía anh Phùng Văn H thống nhất quan điểm với chị H khi cho rằng việc nhận vay, gửi tiền là của cá nhân chị H, anh không liên quan gì kể cả về mặt cá nhân cũng như công ty, anh chỉ là người viết hóa đơn, ký, nhận hộ tiền cho chị H, nên chị H là người có trách nhiệm trả cho nợ nguyên đơn. Tuy nhiên, anh cũng xác định sẽ cùng với chị H có trách nhiệm làm ăn và trả nợ cho chị Loan.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Phùng Văn H là ông Trương Xuân H cũng cho rằng, việc các bên thừa nhận số nợ gốc 22.000.000 đồng là đúng. Song trong vụ kiện này, trách nhiệm phải thuộc về anh H, vì anh H là người viết giấy nhận nợ với nguyên đơn chứ không phải chị H.

Phản tranh luận: Các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự giữ nguyên quan điểm của mình về việc kiện.

Đại diện VKSND huyện Phú Xuyên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các qui định về thủ tục tố tụng của Pháp luật TTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn thực hiện đầy đủ nghĩa vụ tham gia tố tụng. Đề nghị HĐXX, xét xử vụ án theo qui định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu đòi tài sản của chị Đỗ Thị Kim L, buộc anh Phùng Văn Hải và chị Nguyễn Thị H phải trả chị L 22.000.000 đồng tiền gốc. Chị H, anh H phải chịu án phí DSST theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Trên cơ sở lời trình bày của đương sự và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Chị H vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị Tòa xét xử vắng mặt, nên theo qui định của các điều 227, 228 BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo qui định của pháp luật

Về Nội dung:

Về quan hệ pháp luật: Đây là việc kiện “đòi tài sản” cụ thể, chị Đỗ Thị Kim L, kiện buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả số tiền 22.000.000 đồng mà theo các bên xác nhận là chị L “gửi” anh H, chị H, thực chất đây là quan hệ cho vay bởi lãi xuất mà các bên thỏa thuận lên tới 3%/tháng, một mức lãi xuất rất cao so ngay cả với lãi xuất cho vay tại các ngân hàng cùng thời điểm cho vay.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo qui định của điều 159 BLTTDS, thì đây là tranh chấp kiện đòi tài sản đang bị người khác chiếm hữu nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do vậy, đơn khởi kiện đòi tài sản của chị L được chấp nhận.

Về nội dung khởi kiện: Xét yêu cầu của chị Đỗ Thị Kim L, kiện đòi vợ chồng anh H, chị H phải trả 22.000.000 đồng tiền gốc. Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của chị L là có căn cứ và đúng pháp luật bởi lẽ:

Thứ nhất: Về số tiền phải trả cho chị L các bên đều thống nhất số tiền gốc là 22.000.000 đồng.

Thứ hai: Về người phải trả nợ, trong khi phía nguyên đơn yêu cầu vợ chồng anh H cùng phải trả nợ, nhưng anh H, chị H lại cùng cho rằng, dù là vợ chồng, nhưng chị H mới là người vay, anh H không liên quan gì. Hội đồng xét xử không chấp nhận lý do này của anh H, chị H, vì theo điều 219 BLHS 2005 thì “Sở hữu chung vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất” và “Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển...và có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung vợ chồng”, cho nên số tiền dù là anh H, hay chị H nhận, vay, gửi của nguyên đơn phải được coi là tài sản chung vợ chồng, và đương nhiên, khi có công nợ phát sinh, thì nghĩa vụ phải trả nợ cũng là nghĩa vụ chung của vợ chồng. Hơn nữa bản thân chị H xác nhận: “Số tiền vay nợ phần sử dụng vào mục đích làm ăn kinh tế gia đình, phần tôi đã cho chị Nguyễn Thị C vay lại để lấy lãi suất chênh lệch” theo kiểu “buôn tiền” càng chứng minh sự ràng buộc trong quyền lợi và nghĩa vụ của anh chị trong quan hệ giao dịch cụ thể này.

Mặt khác, như chính anh H xác nhận, việc anh viết giấy ký tên, nhận nợ với nguyên đơn khi “chị H đi vắng” đã chứng minh cho sự liên quan đến quyền và nghĩa vụ của anh trong giao dịch này, nhất là việc anh H lại sử dụng ngay hóa đơn, con dấu của công ty do anh quản lý để viết giấy biên nhận, nhận gửi, vay nợ với nguyên đơn.

Thứ ba: Trong quá trình các cơ quan pháp luật điều tra, truy tố, xét xử vụ án Nguyễn Thị C lừa đảo chiếm đoạt tài sản mà vợ chồng anh H, chị H là nạn nhân, ngoài đơn của trình báo của chị H, anh H cũng có đơn trình báo là anh vay của 10 người với số tiền 576.000.000 đồng và 131 chỉ vàng để đưa cho chị Hà đem cho Cúc vay, trong đó có số tiền 22.000.000 đồng của chị L.

Như vậy, xét cả trên thực tế cũng như về mặt pháp luật, anh Hải phải có nghĩa vụ cùng với chị H trả lại tài sản cho nguyên đơn.

Riêng đề nghị của người bảo vệ quyền lợi của bị đơn, đề nghị Tòa buộc anh H phải trả nợ cho chị L chứ không phải chị Hà, yêu cầu này đã mâu thuẫn với chính đề nghị của anh H, chị H, vì chị H, anh H đều đề nghị giao nợ cho chị H phải trả, và nó hiển nhiên đồng nghĩa với việc chị H phải có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn rồi.

Tại hồ sơ: Anh H còn sử dụng “Hóa đơn đảm bảo vàng” của Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý H H để làm giấy biên nhận tiền gửi, phía anh H, chị H đều xác nhận, đây là giao dịch mang tính cá nhân do anh chị thực hiện chứ không sử dụng tư cách pháp nhân của công ty do anh là người đại diện theo pháp luật, bởi công ty của anh không có chức năng nhận gửi hoặc vay tiền. Qua xem xét đăng ký kinh doanh của công ty, HĐXX cũng nhận thấy, công ty Cổ phần vàng bạc đá quý H H, đúng là không có chức năng gửi hoặc cho vay tiền. Phía nguyên đơn cũng xác nhận đem tiền gửi là gửi cá nhân anh H, chị H chứ không gửi cho công ty nào cả. Mặt khác, về hình thức của hóa đơn đảm bảo vàng là để phục vụ cho hoạt động kinh doanh mua bán vàng, song nội dung của hóa đơn là xác nhận việc gửi, cho vay tiền, vàng, không có liên quan gì đến mục đích, nội dung, cột, mục ghi trên

hóa đơn. Nên về mặt pháp luật, Tòa án chỉ xem đây là giao dịch giữa các cá nhân với nhau mà thôi.

Xét yêu cầu của nguyên đơn chỉ buộc phía bị đơn trả lại 22.000.000 đồng tiền gốc và không tính lãi là hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ và đúng pháp luật. Tòa chấp nhận.

Về án phí: Do yêu cầu của chị L được chấp nhận, nên Tòa buộc anh H, chị H phải chịu 1.100.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật. Trả lại tiền tạm ứng án phí cho chị L.

Bởi những nhận định trên

TOÀ QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 471, điều 474, điều 298, điều 299, điều 302 BLDS 2005; Điều 159, điều 227, điều 228 Bộ luật TTDS và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội qui định về thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Kim L.

Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải trả cho chị Đỗ Thị Kim L **22.000.000** đồng (Hai mươi hai triệu đồng) tiền nợ gốc.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, ngoài số tiền phải thi hành nêu trên, người phải thi hành án còn phải trả lãi, theo mức lãi suất qui định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án có hiệu lực thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- **Về án phí:** Buộc anh Phùng Văn H và chị Nguyễn Thị H phải chịu **1.100.000** đồng (*Một triệu, một trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại chị Đỗ Thị Kim L **550.000** đồng (*Năm trăm năm mươi ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí nộp tại phiếu thu số AE/2010/0004828 ngày 10/10/2017 tại Chi cục THA sự huyện Phú Xuyên.

Án xử công khai sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được kết quả bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Quang